CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Địa ốc First Real

Ngày 31/03/2025	7,920 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	13.1%	**33.1%**	**26.5%**

DT thuần
Q1/25
45.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 45.5| 16247%
YoY: ▲ 18.2| 65.8%

LN thuần
Q1/25
20.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 34.0| 256%
YoY: ▲ 19.6| 1734%

LN sau thuế
Q1/25
19.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.3| 243%
YoY: ▲ 19.3| 7709%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
75.8%
YoY: +/-▲ 3984%

ROE (TTM)
Q1/25
-0.4%
YoY: +/-▲ 2.6%

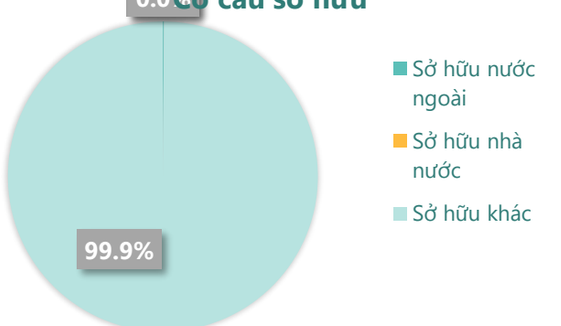
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,400 - 9,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	509
Số lượng CPLH (CP)	64,245,281
KLGD BQ 20 phiên (CP)	351,420
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.07
EPS	-49
P/E	-162.8

DT thuần
2024
69.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼98.1| -58.4%

LN thuần
2024
-16.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼43.4| -163%

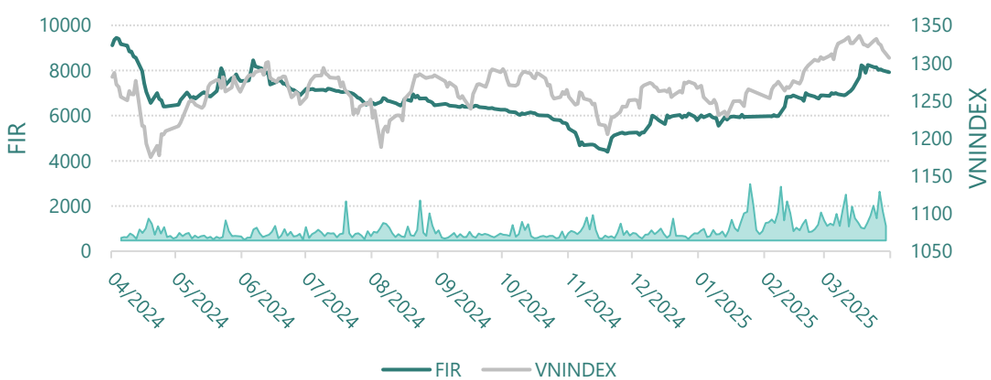
LN sau thuế
2024
-22.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼36.4| -260%

Cơ cấu sở hữu

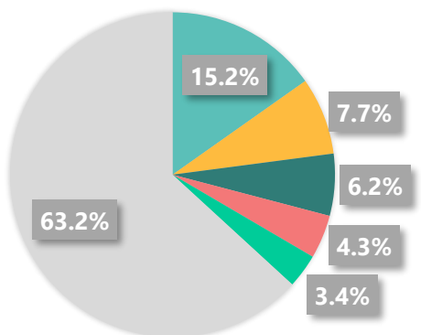


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

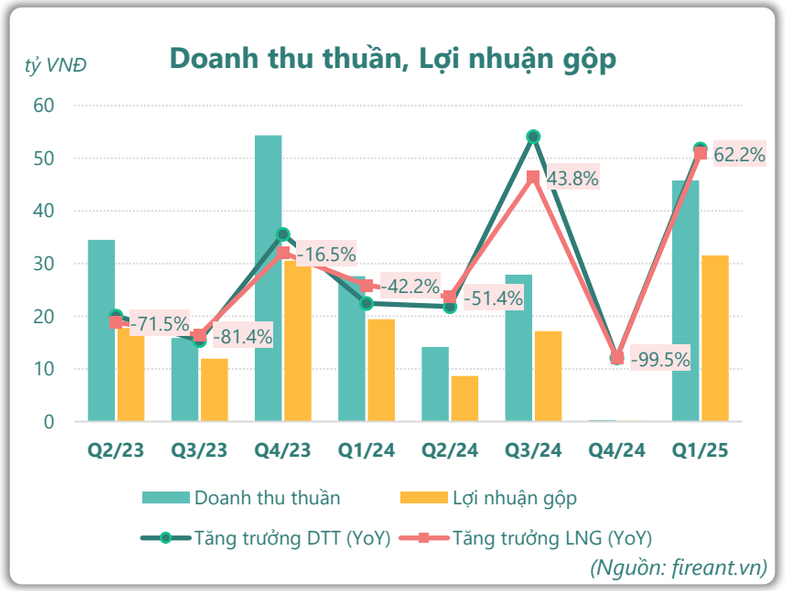


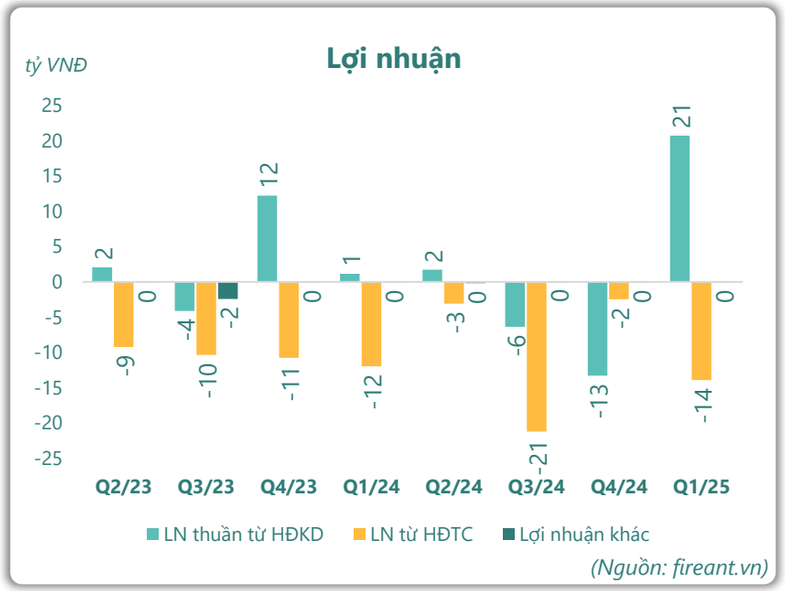
Cơ cấu cổ đông

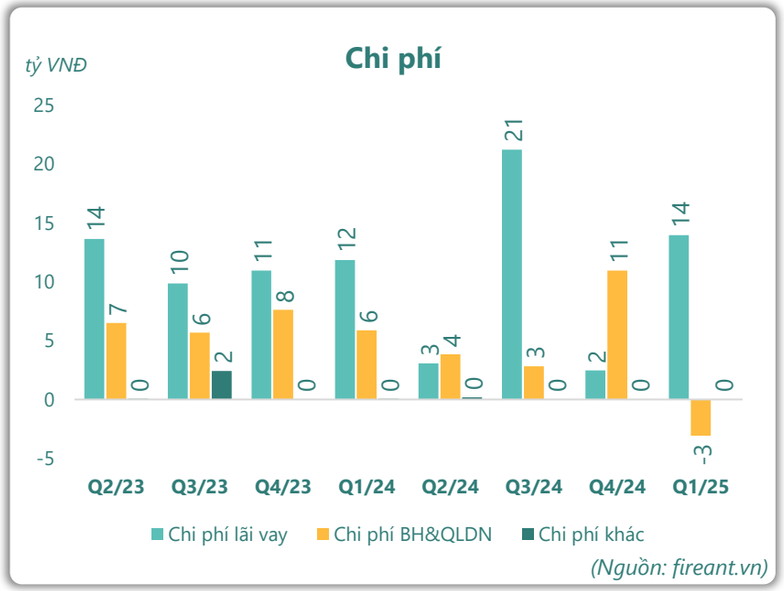


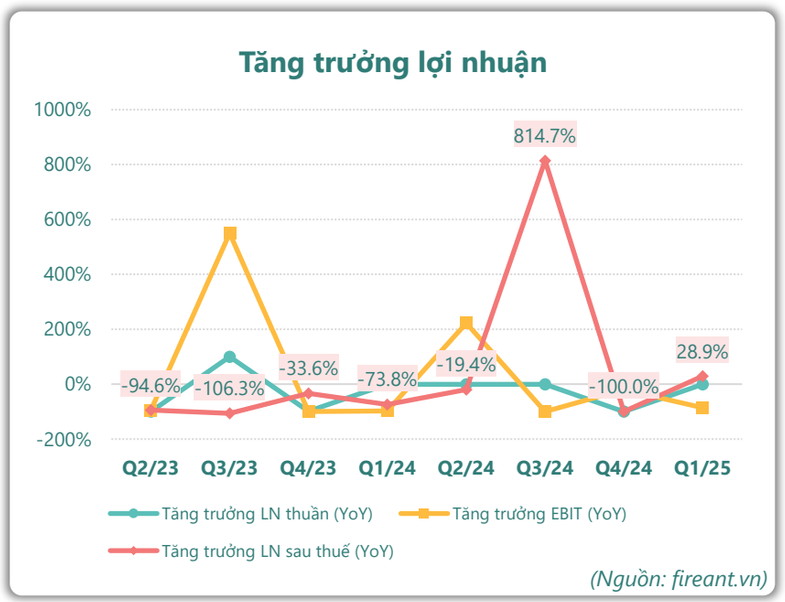
(Nguồn: fireant.vn)

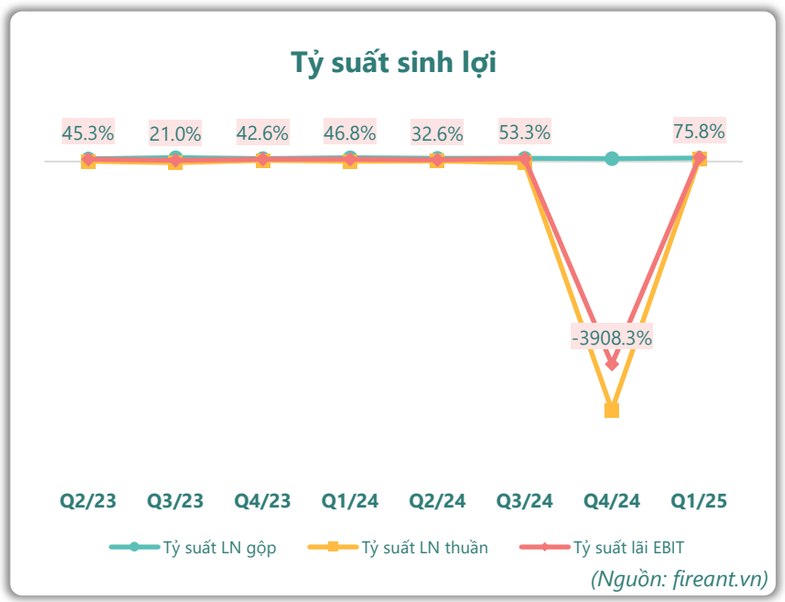
KẾT QUẢ KINH DOANH

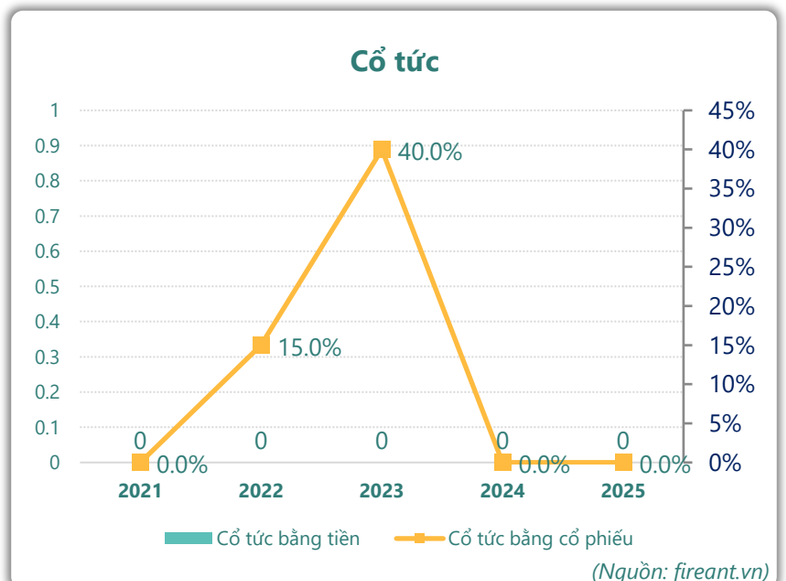






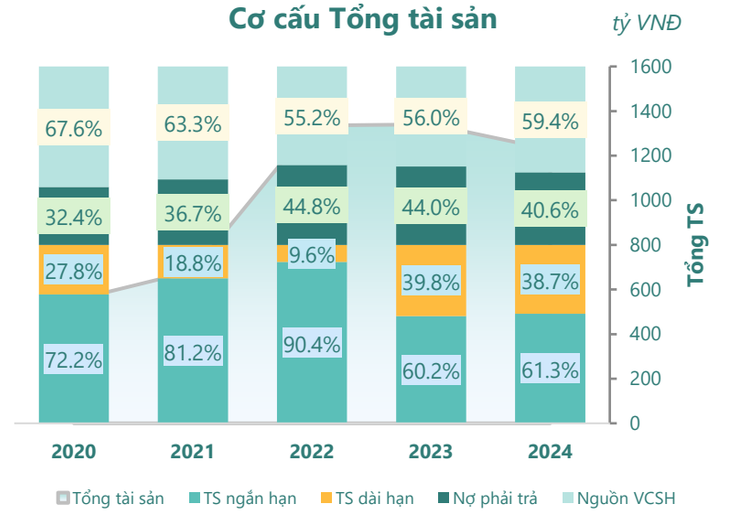






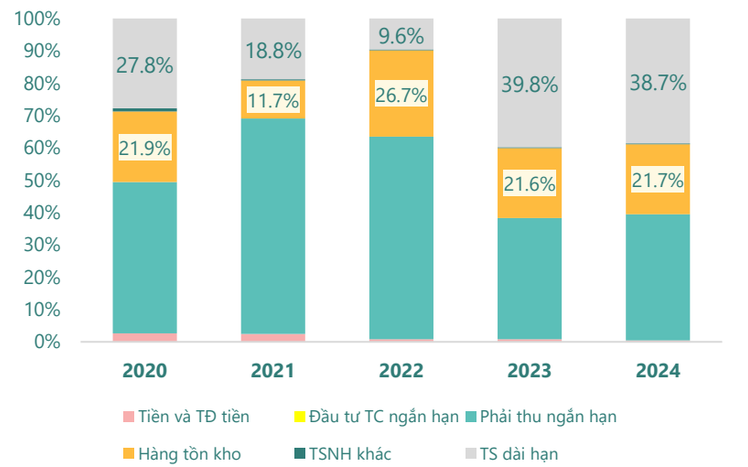
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



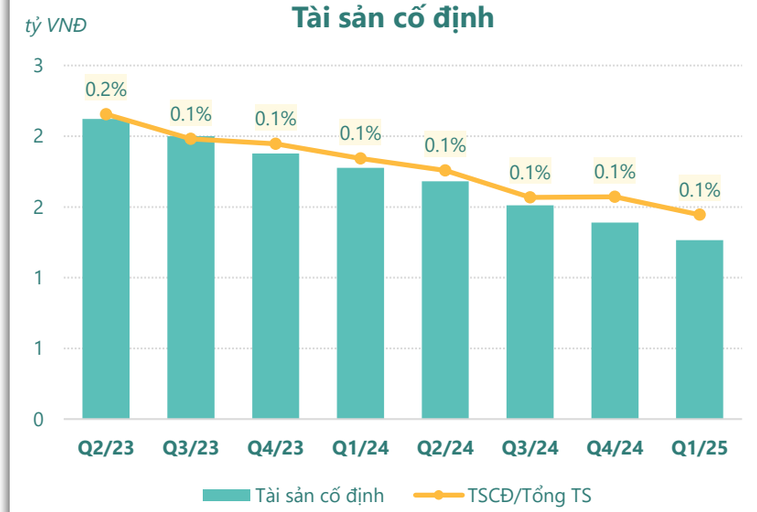
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



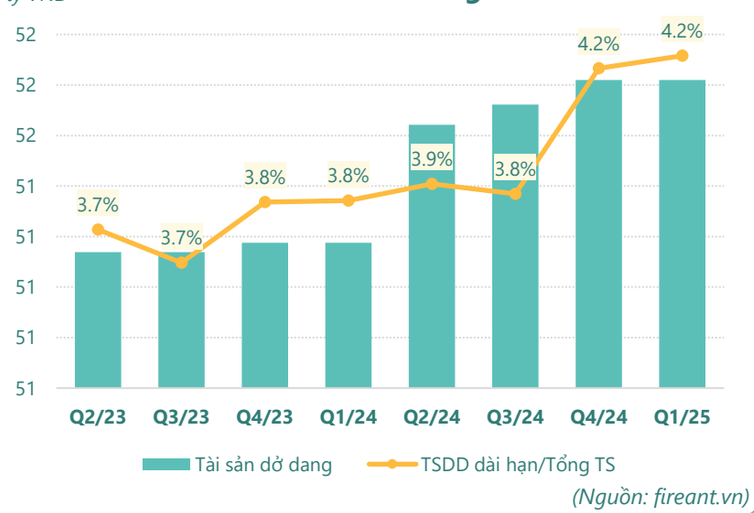
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



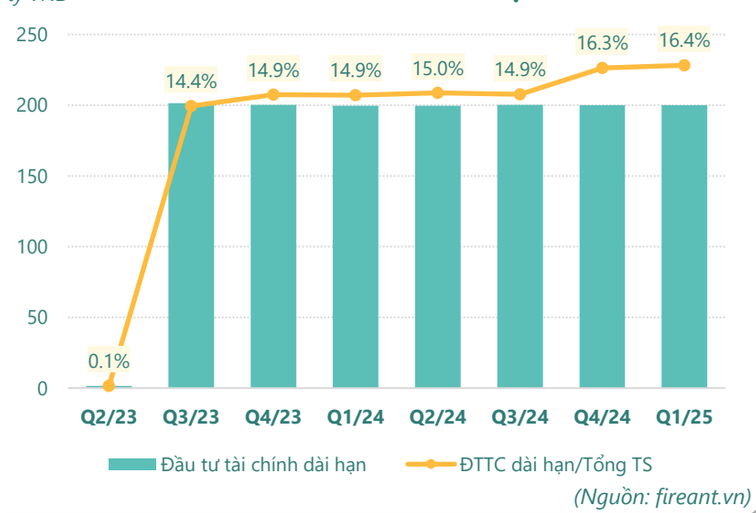
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



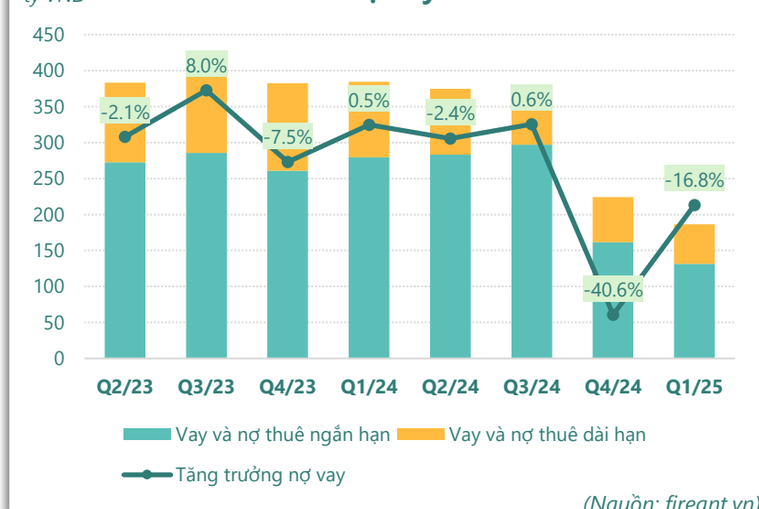
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

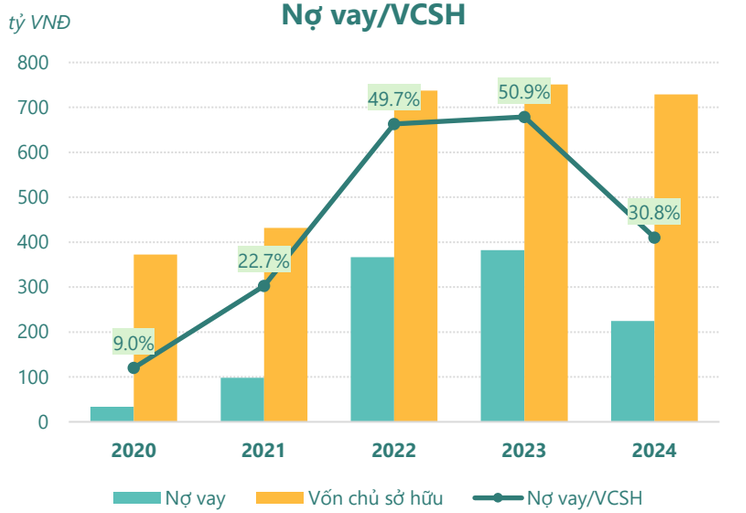
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

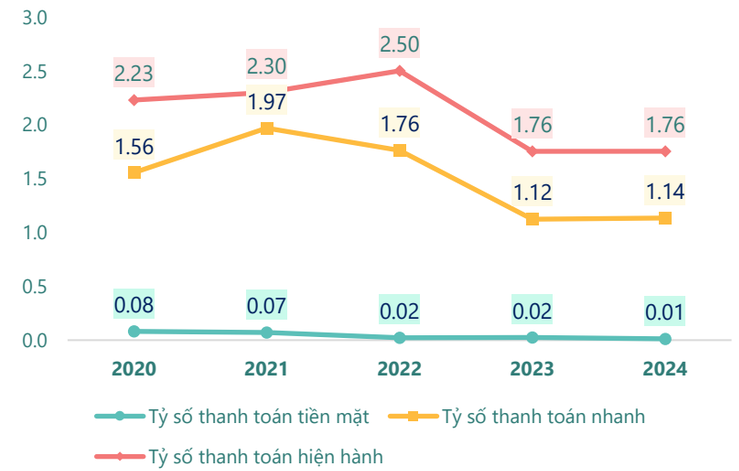
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



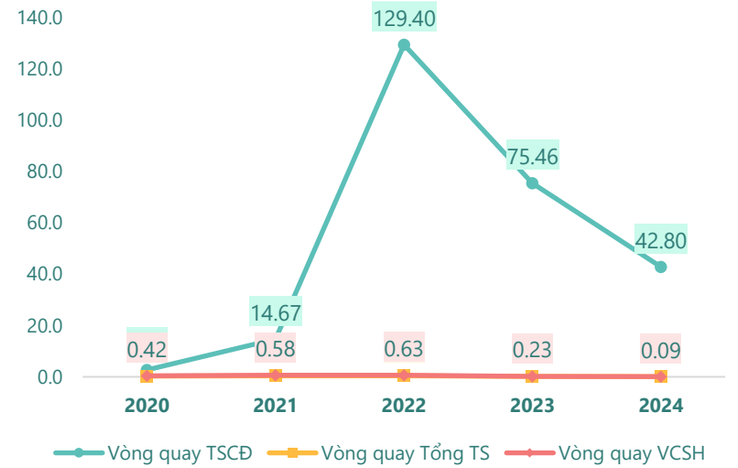
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



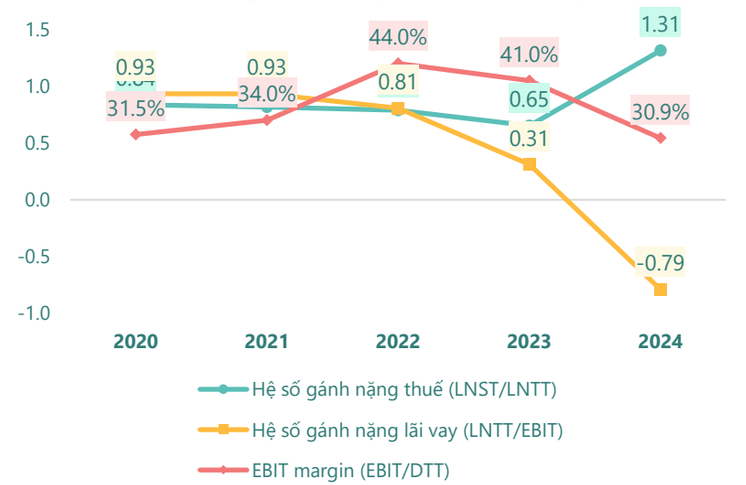
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



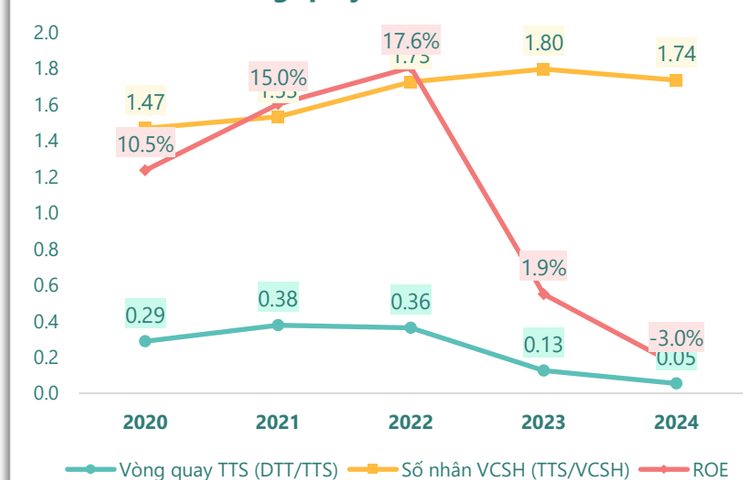
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



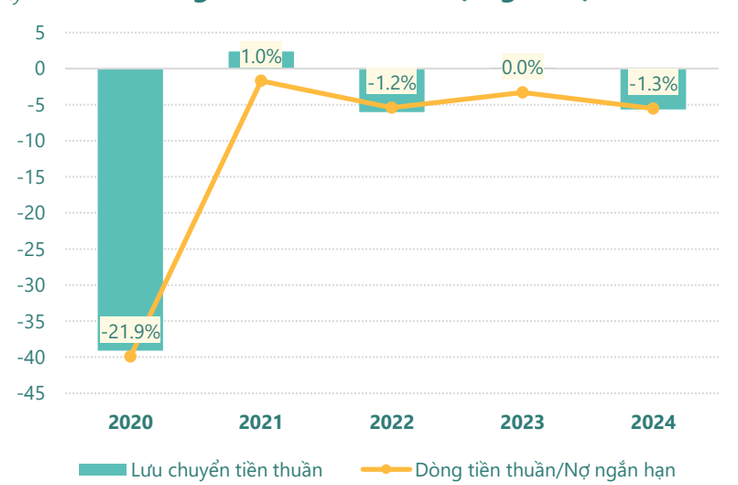
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**45.8**	**27.6**	**65.8%**	**69.9**	**168**	**-58.4%**
Giá vốn hàng bán	14.2	8.15	74.3%	24.5	74.2	-66.9%
Lợi nhuận gộp	31.6	19.5	61.9%	45.4	93.9	-51.7%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.02	165%	0.04	12.5	-99.7%
Chi phí TC	14.0	12.0	16.4%	38.8	51.8	-25.1%
Chi phí lãi vay	14.0	11.8	18.4%	38.6	47.5	-18.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.50**	**100%**	**0.04**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.18	0.91	-80.7%	1.56	11.4	-86.3%
Chi phí QLDN	**-3.26**	**4.96**	**-166%**	**21.9**	**16.7**	**31.5%**
LN thuần từ HĐKD	20.7	1.13	1734%	-16.8	26.6	-163%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.07**	**86.2%**	**-0.26**	**-5.21**	**95.1%**
LN trước thuế	20.7	1.06	1855%	-17.0	21.4	-180%
Lợi nhuận sau thuế	**19.0**	**-0.25**	**7709%**	**-22.4**	**14.0**	**-260%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.0**	**-0.25**	**7709%**	**-22.4**	**14.0**	**-260%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	29.3	4.91	-7.16	2.63	152	37.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.58	0.00	-0.21	-0.07	0.15	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.2	1.87	-9.38	2.28	-153	-37.7
Tiền đầu kỳ	11.3	11.0	17.8	1.01	5.86	5.32
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.30**	**6.78**	**-16.8**	**4.85**	**-0.53**	**-0.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.0	17.8	1.01	5.86	5.32	5.06

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,217**	**1,227**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	743	753	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	5.06	5.32	-4.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	458	479	-4.4%
Hàng tồn kho	278	266	4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.66	2.73	-2.6%
Tài sản dài hạn	**474**	**474**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	152	152	0.0%
Tài sản cố định	1.27	1.39	-8.8%
Bất động sản đầu tư	56.9	57.0	-0.2%
Tài sản dở dang	51.6	51.6	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**11.7**	**12.0**	**-2.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	469	499	-5.9%
Nợ ngắn hạn	**407**	**428**	**-4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	132	161	-18.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.92	1.19	-23.2%
Nợ dài hạn	62.1	70.2	-11.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	55.0	62.8	-12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**748**	**729**	**2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**748**	**729**	**2.6%**
Vốn điều lệ	642	642	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)